

Số **745** /QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày **17** tháng **6** năm 20**12**

QUYẾT ĐỊNH
Về ban hành Chương trình hành động
của Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội
thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020
và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI, Nghị quyết của Quốc hội khóa XII về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 24/04/2012 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước năm 2011-2015;

- Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Phạm Thị Hải Chuyền*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Các đ/c Thứ trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Thường trực Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Tổng Bí thư, Đảng ủy Khối cơ quan Trung ương (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ban chỉ đạo các Vùng (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- UBTTWMTTQ Việt Nam, các tổ chức Chính trị - Xã hội (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- Lưu VP, KHTC.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Thị Hải Chuyền

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

của Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội
thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020
và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số 145/QĐ-LĐTBXH ngày 18 tháng 6 năm 2012
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Với mục tiêu cùng cả nước thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015 đã được Đại hội toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua: “Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị – xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được tiếp tục nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau”.

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 24/04/2012 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình hành động của Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015 với những nội dung chính như sau:

I – MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Chương trình hành động bao gồm các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu được xác định có tính hệ thống, tổng hợp mà Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015.

2. Chương trình hành động thể hiện các nội dung căn thể chế hóa về lao động, người có công và xã hội trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015, vừa đáp ứng được yêu cầu phát triển, vừa phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế.

3. Chương trình hành động là căn cứ để các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố xây dựng Chương trình hành động theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời tổ chức triển khai để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể về lao động, người có công và xã hội góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015.

II – NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách về lao động, người có công và xã hội, tạo lập khuôn khổ pháp lý về lao động, người có công và xã hội đáp ứng được yêu cầu phát triển, phù hợp với bối cảnh trong nước và quốc tế.

1.1. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ và kịp thời trong việc ban hành văn bản; giải quyết tình trạng Luật, chính sách ban hành đã có hiệu lực nhưng chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Các đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao nghiên cứu, đề xuất xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các Bộ luật hoặc Luật, Pháp lệnh; trong 5 năm 2011-2015 tập trung nghiên cứu xây dựng trình Quốc hội 7 dự án Luật: sửa đổi, bổ sung Bộ Luật lao động, Luật Dạy nghề, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; xây dựng mới các Luật Việc làm, Luật An toàn, vệ sinh lao động, Luật Tiền lương tối thiểu; trình Ủy ban thường vụ Quốc hội Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng theo chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội khóa XIII. Xây dựng trình ban hành và ban hành theo thẩm quyền đồng bộ các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố nghiên cứu, xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo thực hiện pháp luật về lao động, người có công và xã hội trên địa bàn; các cơ chế, chính sách đặc thù; các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình quốc gia, Dự án, Đề án...; xây dựng mô hình, cách làm phù hợp của địa phương để tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

1.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lao động, người có công và xã hội bằng nhiều hình thức đến người dân, doanh nghiệp.

- Vụ Pháp chế chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền phổ biến pháp luật về lao động, người có công và xã hội 2011 - 2015.

- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuộc lĩnh vực, địa phương quản lý; lồng ghép với các chương trình, dự án, phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để thực hiện theo các hình thức phù hợp; phát huy năng lực của Báo Lao động - Xã hội, Tạp chí Lao động - Xã hội, Tạp chí Gia đình và trẻ em, Trung tâm tư vấn và dịch vụ truyền thông để thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật các lĩnh vực của ngành.

1.3. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; nâng cao chất lượng công tác dự báo, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn trên các lĩnh vực của ngành.

2. Phát triển thị trường lao động, tạo việc làm cho người lao động

2.1. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư mở mang ngành nghề, phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ tạo việc làm; chú trọng vào các ngành công

ng nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến, các ngành dịch vụ, làng nghề sử dụng nhiều lao động đặc biệt ở các vùng mới đô thị hóa;

- Các tỉnh, thành phố thuộc 3 vùng kinh tế trọng điểm đầy nhanh, nâng cao chất lượng dạy nghề, nhất là trình độ cao đẳng, trung cấp nghề; mở rộng giao dịch và thông tin thị trường lao động...thu hút lao động tại địa phương và lao động từ địa phương khác đến làm việc.

- Các tỉnh khác đẩy mạnh công tác dạy nghề, đặc biệt là dạy nghề cho lao động nông thôn, thanh niên dân tộc để cung ứng lao động cho các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm và phục vụ phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động tại địa phương.

2.2. Phát triển đồng bộ thị trường lao động; nâng cao chất lượng dự báo và thông tin thị trường lao động; quản lý, tăng cường vai trò của Nhà nước trong việc giám sát và điều tiết quan hệ cung - cầu lao động trên thị trường lao động; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về thị trường lao động.

2.3. Quy hoạch, đầu tư nâng cao năng lực hoạt động hệ thống trung tâm giới thiệu việc làm, phát triển các cơ sở giao dịch, phát triển các hình thức thông tin thị trường lao động, trước hết là hình thức giao dịch về việc làm chính thống trên thị trường lao động; đưa vào hoạt động 4 trung tâm giới thiệu việc làm quy mô lớn, hiện đại cho 4 khu vực kinh tế trọng điểm.

2.4. Phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu lao động, mở rộng thị phần ở những thị trường hiện có và phát triển thị trường mới, nhất là thị trường có thu nhập cao, an toàn cho người lao động. Sắp xếp, đổi mới phát triển các doanh nghiệp, cơ sở sự nghiệp có chức năng đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch.

2.5. Đổi mới căn bản công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện lao động trước khi đưa đi làm việc ở nước ngoài; đầu tư xây dựng một số cơ sở chuyên đào tạo lao động đi làm việc ở nước ngoài; thực hiện cơ chế nhà nước đặt hàng các cơ sở dạy nghề để dạy nghề cho lao động xuất khẩu.

2.6. Tăng cường quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

2.7. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các dự án vay vốn tạo việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm; dự án hỗ trợ phát triển thị trường lao động; dự án hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; dự án truyền thông, nâng cao năng lực và giám sát đánh giá thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm - Dạy nghề giai đoạn 2011-2015; Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009-2020.

3. Thực hiện pháp luật lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, cải thiện điều kiện lao động

3.1. Xây dựng thực hiện đề án cải cách tiền lương trong doanh nghiệp: thực hiện mức lương tối thiểu đảm bảo mức sống tối thiểu của người lao động làm công ăn lương; tăng cường vai trò hướng dẫn của nhà nước để hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động thương lượng, thỏa thuận tiền lương; đổi mới cơ chế quản lý tiền lương đối với khu vực doanh nghiệp theo hướng gắn với năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh, phân định rõ chức năng quản lý nhà

nước với chức năng quản trị doanh nghiệp và phù hợp với quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước.

3.2. Phát triển bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các vi phạm trong thực hiện quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp bảo đảm quyền lợi người lao động.

3.3. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để xây dựng quan hệ lao động hài hòa, lành mạnh, xây dựng thỏa ước lao động tập thể ngành; tăng cường kiểm tra nắm bắt và giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động, nhằm giảm thiểu các vụ đình công, lãn công của người lao động trong các doanh nghiệp.

3.4. Duy trì, nâng cao năng lực hoạt động đăng ký, kiểm định, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; tổ chức tuần lễ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ hàng năm; tăng cường kiểm tra xử lý nghiêm minh vi phạm pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động; khuyến khích các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, người lao động tham gia cải thiện điều kiện và môi trường lao động giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3.5. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình Quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động giai đoạn 2011-2015; Đề án tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động đến người sử dụng lao động và người lao động trong các loại hình doanh nghiệp.

4. Phát triển hệ thống dạy nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, hiện đại hoá, chuẩn hoá, xã hội hoá và hội nhập khu vực, quốc tế; phát triển nhanh về quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy nghề theo 3 cấp trình độ; phát triển mạnh các hình thức dạy nghề cho lao động nông thôn và chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

4.1. Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch mạng lưới dạy nghề về quy mô, cơ cấu cấp trình độ, ngành nghề đến năm 2020 phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, ngành, vùng, tiểu vùng đáp ứng nhu cầu lao động kỹ thuật chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước, xuất khẩu lao động và chuyển dịch cơ cấu lao động, mục tiêu:

+ Đến năm 2015 có khoảng: 190 trường cao đẳng nghề (60 trường ngoài công lập, chiếm 31,5%), trong đó có 26 trường chất lượng cao; 300 trường trung cấp nghề (100 trường ngoài công lập, chiếm 33%) và 920 trung tâm dạy nghề (320 trung tâm ngoài công lập, chiếm 34,8%). Mỗi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 1 trường cao đẳng nghề và 1 trung tâm dạy nghề kiểu mẫu; mỗi quận/huyện/thị xã có 1 trung tâm dạy nghề hoặc trường trung cấp nghề.

+ Đến năm 2020 có khoảng: 230 trường cao đẳng nghề (80 trường ngoài công lập, chiếm 34,8%), trong đó có 40 trường chất lượng cao; 310 trường trung cấp nghề (120 trường ngoài công lập, chiếm 38,8%) và 1.050 trung tâm dạy nghề (350 trung tâm ngoài công lập, chiếm 33,3%), trong đó có 150 trung tâm dạy nghề kiểu mẫu.

4.2. Thực hiện liên thông trong đào tạo và phân luồng mạnh mẽ vào dạy nghề. Đa dạng hoá các hình thức, các phương pháp dạy nghề phù hợp với đối tượng học nghề và yêu cầu sản xuất, góp phần đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp cho sản xuất, dịch vụ, cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và cho chuyên đổi cơ cấu lao động. Tổ chức sản giao dịch về dạy nghề ở 4 vùng kinh tế trọng điểm để các bên liên quan: nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp và người học được tiếp xúc, trao đổi, triển khai đào tạo theo nhu cầu.

4.3. Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về dạy nghề theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, gắn với trách nhiệm và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; đảm bảo sự giám sát của cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân. Nâng cao năng lực quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề các cấp. Cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề ở trung ương có trách nhiệm xây dựng cơ chế, chính sách phát triển dạy nghề; xây dựng các chuẩn và hướng dẫn các cơ sở dạy nghề thực hiện đào tạo theo chuẩn. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong dạy và học nghề. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy nghề và quản lý dạy nghề; xây dựng cơ sở dữ liệu về dạy nghề.

4.4. Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng nguồn lực cho phát triển dạy nghề: bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách để các cơ sở dạy nghề công lập thực hiện tốt hơn, toàn diện hơn cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động, tổ chức bộ máy và tài chính; xây dựng định mức kinh phí đào tạo cho các nghề theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo; nhà nước cấp kinh phí đào tạo ở các trường công lập tương ứng với chất lượng đào tạo tối thiểu, phần còn lại người học tự chi trả; sửa đổi bổ sung chính sách học phí học nghề đối với cơ sở dạy nghề ngoài công lập, hướng tới áp dụng cơ chế gắn học phí với chất lượng dạy nghề. Tăng dần đầu thầu, đặt hàng chỉ tiêu đào tạo nghề từ ngân sách nhà nước; cơ chế liên kết dạy nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp.

4.5. Tăng cường hợp tác quốc tế về dạy nghề, lựa chọn các đối tác chiến lược trong lĩnh vực dạy nghề là những nước thành công trong phát triển dạy nghề trong khu vực ASEAN và châu Á (như Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản ...), EU (như Cộng hòa Liên bang Đức, Vương quốc Anh, ...) và Bắc Mỹ. Hợp tác với các nước ASEAN để tiến tới công nhận kỹ năng nghề giữa các nước, hướng tới Cộng đồng ASEAN vào năm 2015. Tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học về dạy nghề, nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ dạy nghề tiên tiến để nâng cao chất lượng dạy nghề. Tích cực tham gia các hoạt động quốc tế về dạy nghề. Khuyến khích các cơ sở dạy nghề trong nước mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài. Tạo hành lang pháp lý thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư, các doanh nghiệp nước ngoài phát triển cơ sở dạy nghề chất lượng cao, hợp tác đào tạo nghề tại Việt Nam.

4.6. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chiến lược phát triển dạy nghề giai đoạn 2011-2020¹; đề án Đổi mới và phát triển dạy nghề đến năm 2020, Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 (thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm – Dạy nghề giai đoạn 2011-2015).

¹ Quyết định 630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ

5. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách ưu đãi, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần người có công

5.1. Tiếp tục xử lý các trường hợp còn tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công; bổ sung, điều chỉnh chế độ, chính sách còn bất hợp lý trong chính sách ưu đãi người có công; thực hiện chính sách với người có công bảo vệ tổ quốc sau ngày 30/4/1975; từng bước nâng mức trợ cấp người có công phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ ưu đãi theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; xây dựng và thực hiện đề án hỗ trợ nhà ở cho các gia đình chính sách chưa có nhà ở kiên cố.

5.2. Đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công” nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng; đào tạo, bồi dưỡng thế hệ con em người có công tiếp tục phát huy truyền thống, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

5.3. Quy hoạch, sắp xếp và đầu tư phát triển mạng lưới cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, chỉnh hình - phục hồi chức năng đáp ứng yêu cầu điều trị, phục hồi sức khỏe, hoà nhập cộng đồng cho người có công; đầu tư xây dựng, sửa chữa, tôn tạo và nâng cấp các công trình tưởng niệm liệt sỹ đảm bảo ổn định, lâu dài, phát huy tính giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ.

5.4. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả đề án tìm kiếm, quy tập và xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin; đề án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng 200 xã có nhiều người bị nhiễm chất độc hoá học; thực hiện báo tin mộ liệt sỹ đến gia đình liệt sỹ.

6. Tập trung nguồn lực đầu tư, thực hiện giảm nghèo bền vững

6.1. Thông qua các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành đảm bảo hợp lý chênh lệch về phát triển và giàu nghèo giữa các vùng, các nhóm dân cư, các dân tộc; khuyến khích tăng nhanh hộ giàu, giảm mạnh hộ nghèo; có chính sách, kế hoạch để khuyến khích hộ nghèo đăng ký kế hoạch, thời gian thoát nghèo, vươn lên khá giả, đồng thời có giải pháp đối với những còn ý lại không chịu vươn lên thoát nghèo để hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước trong thời gian dài.

6.2. Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số: hỗ trợ về y tế, giáo dục, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt, hỗ trợ tiền điện... Lồng ghép các chương trình, dự án mở rộng và đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, nâng cao kiến thức, trình độ tay nghề cho người nghèo để tạo việc làm tại chỗ, tham gia lao động trong tỉnh, ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động.

6.3. Trên từng địa bàn, tiếp tục phân công, giao chỉ tiêu cho các đoàn thể, cơ quan, doanh nghiệp, các hộ làm kinh tế giỏi... giúp hộ nghèo có một lao động được học nghề, có việc làm hoặc xuất khẩu lao động để thoát nghèo. Đối với các tỉnh khó khăn Miền núi phía Bắc, Tây nguyên, Tây Nam Bộ, nghiên cứu xây dựng và thực hiện các đề án, giải pháp giảm nghèo cụ thể, tập trung hỗ trợ tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập. Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số tập trung vào các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức, thay

đổi cách làm ăn, hỗ trợ pháp lý đồng thời với dạy nghề, truyền nghề theo cây trồng, vật nuôi để các hộ nghèo tự lực vươn lên. Hướng dẫn các hộ nghèo xây dựng kế hoạch để thoát nghèo trên cơ sở hỗ trợ của cộng đồng và nhà nước.

6.4. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp theo Nghị quyết 80/NQ-CP của Chính phủ về Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020; Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2011-2015.

7. Tăng cường hoạt động bảo trợ, trợ giúp xã hội

7.1. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành cho đối tượng yếu thế; nghiên cứu, điều chỉnh bổ sung chính sách, nâng mức trợ cấp xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước và địa phương; cải thiện, nâng cao mức sống cho đối tượng xã hội, tạo điều kiện để các đối tượng tự khắc phục khó khăn vươn lên hoà nhập cộng đồng.

7.2. Phát triển đa dạng các hình thức từ thiện, nhân đạo phi Chính phủ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận để chăm sóc đối tượng dựa vào cộng đồng, theo tinh thần xã hội hóa với sự hỗ trợ một phần của nhà nước, cộng đồng và đối tượng tự vươn lên, tạo cơ hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội, trước hết là các đối tượng còn khả năng lao động tiếp cận nguồn lực kinh tế, dịch vụ công thiết yếu; bình đẳng về cơ hội trong giáo dục, đào tạo, dạy nghề, chăm sóc sức khỏe, nhà ở, văn hóa thể thao, đảm bảo cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người yếu thế, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có cuộc sống ổn định, hòa nhập tốt hơn vào cộng đồng.

7.3. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng, đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia giúp đỡ những người thiệt thòi trong xã hội; phát triển và sử dụng có hiệu quả các quỹ từ thiện, nhân đạo.

7.4. Thực hiện hiệu quả Đề án phát triển nghề công tác xã hội; thực hiện Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo trợ xã hội.

7.5. Xây dựng, triển khai nhân rộng các mô hình phòng tránh và cứu trợ phù hợp để kịp thời ứng phó và hạn chế các tác động xấu của thiên tai, hướng dẫn người dân chủ động phòng chống, cứu giúp lẫn nhau khi gặp thiên tai.

8. Tạo môi trường thuận lợi để thực hiện toàn diện quyền trẻ em

8.1. Hoàn thiện bộ máy tổ chức, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, tình nguyện viên làm công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em các cấp; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; thực hiện đầy đủ các công ước quốc tế về quyền trẻ em đã tham gia; kiện toàn và phát huy hiệu quả hệ thống Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp; đổi mới hình thức, nội dung vận động, hoạt động của Quỹ.

8.2. Lồng ghép, đưa các nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp, các ngành, cụ thể hoá bằng các chỉ tiêu và gắn với nguồn lực nhằm bảo đảm lợi ích tốt nhất cho trẻ em. Ưu tiên hỗ

trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em vùng nông thôn nghèo, vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số.

8.3. Thúc đẩy mạnh mẽ phong trào toàn dân tham gia bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tạo sự chuyển biến tích cực về cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, đồng thời mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ và phúc lợi xã hội dành cho trẻ em.

8.4. Xây dựng, nhân rộng mô hình hiệu quả về bảo vệ, chăm sóc trẻ em dựa vào cộng đồng; mô hình thúc đẩy sự tham gia của trẻ em; mô hình phòng chống tai nạn thương tích; mô hình hỗ trợ trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em bị buôn bán; mô hình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong nhà trường và cộng đồng; các mô hình thực hiện các quyền của trẻ em về khai sinh, chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng, vui chơi giải trí, văn hoá, thể thao... đảm bảo cho mọi trẻ em, đặc biệt là trẻ em có nguy cơ cao bị hạn chế phát triển bình thường về thể chất tinh thần, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tiếp cận các dịch vụ này thuận lợi, hiệu quả.

8.5. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNICEF) trong việc huy động nguồn lực xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án, dự án trợ giúp, chăm sóc và bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; hỗ trợ kỹ thuật, kiến thức và kinh nghiệm cho công tác xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện chính sách, hướng dẫn thực hiện cũng như xây dựng kế hoạch, giám sát, đánh giá thực hiện mục tiêu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

8.6. Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên các phương tiện thông tin đại chúng; mở rộng các hình thức tư vấn trực tiếp và tư vấn cộng đồng cho các nhóm đối tượng trẻ em.

8.7. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình Hành động quốc gia vì trẻ em đến năm 2020; Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015; Đề án về chính sách hỗ trợ phẫu thuật cho trẻ em bị tim bẩm sinh; Đề án về chính sách sửa học đường cho trẻ em; Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; Chương trình phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em giai đoạn 2011 - 2015

9. Thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ

9.1. Lồng ghép, đưa các nhiệm vụ về bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các cấp, các ngành, cụ thể hoá bằng các chỉ tiêu và gắn với nguồn lực nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu Bình đẳng giới trong Chiến lược quốc gia Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.

9.2. Tăng cường công tác giáo dục truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi của mọi người dân, đặc biệt là phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người về bình đẳng giới, pháp luật về các quyền của phụ nữ để họ tự bảo vệ mình.

9.3. Tiếp tục kiện toàn hệ thống quản lý nhà nước về bình đẳng giới, Ban vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về bình đẳng giới và cộng tác viên thực hiện công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ.

9.4. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015.

10. Giảm phát sinh mới tệ nạn xã hội; nâng cao chất lượng cai nghiện phục hồi, quản lý sau cai; phòng chống tệ nạn mại dâm

10.1. Mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động xây dựng xã, phường lành mạnh không có tệ nạn xã hội, phối hợp với mặt trận, đoàn thể và toàn xã hội vận động, nâng cao nhận thức về phòng ngừa các hiểm họa ma túy, mại dâm, HIV.

10.2. Huy động tổ chức Đoàn các cấp, nhà trường thực hiện đồng bộ các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, vận động thanh niên tránh xa con đường ma túy, mại dâm; phát động phong trào toàn dân phát hiện người nghiện, vận động đối tượng nghiện và gia đình người nghiện tự khai báo và đăng ký hình thức cai nghiện; xây dựng lực lượng tình nguyện viên ở các xã, phường. Đưa công tác cai nghiện phục hồi, quản lý sau cai, phòng chống mại dâm vào chỉ tiêu đánh giá hoàn thành nhiệm vụ đối với cấp ủy, chính quyền các cấp.

10.3. Nâng cao năng lực các trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội hiện có; khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển các mô hình, các hình thức cai nghiện phục hồi gắn với dạy nghề, tạo việc làm, giảm tải nghiện và hoà nhập cộng đồng sau cai.

10.4. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình hành động phòng, chống mại dâm giai đoạn 2011-2015; đề án Nâng cao năng lực và hiệu quả công tác cai nghiện ma túy, tổ chức dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy.

11. Quy hoạch, đầu tư nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống đơn vị sự nghiệp

11.1. Quy hoạch, đầu tư phát triển các cơ sở sự nghiệp, trong đó có một số cơ sở sự nghiệp dạy nghề, giới thiệu việc làm tiếp cận với trình độ khu vực và quốc tế; cơ sở điều dưỡng người có công; cơ sở nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội không có khả năng hòa nhập cộng đồng...

11.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động sự nghiệp; xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả các loại hình đơn vị sự nghiệp tương xứng với ngân sách được giao.

11.3. Tiếp tục thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006; Nghị định 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ, đồng thời tổng kết, đánh giá và đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung Nghị định này cho phù hợp thực tế.

11.4. Tăng cường tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên các cơ sở sự nghiệp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

12. Tăng cường hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực của ngành

12.1. Chủ động thực hiện các hoạt động hợp tác ASEAN theo sự phân công của Chính phủ: thực hiện Kế hoạch hành động cụ thể của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội về tham gia hợp tác ASEAN đến năm 2015; xây dựng chương trình, kế hoạch nhằm triển khai Kế hoạch tổng thể của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội, Chương trình làm việc của Bộ trưởng Lao động ASEAN giai đoạn

2011-2015; đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về hợp tác ASEAN, thông tin về những kết quả, những thỏa thuận đã được thông qua trong năm Việt Nam làm Chủ tịch ASEAN.

12.2. Thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đã tham gia; đẩy mạnh các hoạt động hợp tác đa phương, song phương, tăng cường vận động thu hút nguồn lực quốc tế góp phần thực hiện các mục tiêu ưu tiên của ngành.

12.3. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, đặc biệt là Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNICEF), Tổ chức lao động Quốc tế ILO... trong việc huy động nguồn lực thực hiện các chương trình, đề án, dự án cũng như hỗ trợ kỹ thuật, kiến thức và kinh nghiệm quốc tế cho công tác lập kế hoạch, xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện chính sách, hướng dẫn thực hiện pháp luật trên các lĩnh vực của ngành.

13. Cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng

13.1. Tiếp tục thực hiện đề án cải cách hành chính; cải cách các thủ tục hành chính nhằm đảm bảo tính pháp lý, hiệu quả và minh bạch trong giải quyết các thủ tục hành chính, giảm phiền hà và loại bỏ những thủ tục rườm rà, chồng chéo đối với các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến doanh nghiệp, người dân. Rà soát cơ chế, quy trình, thực hiện công khai, minh bạch trong phân bổ, sử dụng, quyết toán các nguồn kinh phí, các dự án đầu tư, các dự án viện trợ; công khai đối tượng hưởng chính sách, công khai việc tuyển chọn lao động xuất khẩu, chống tiêu cực, vi phạm; có cơ chế kiểm tra chéo lẫn nhau trong cơ quan, cơ chế giám sát của nhân dân để ngăn chặn và xử lý kịp thời những trường hợp cán bộ công chức lợi dụng chức vụ để những nhiễu, phiền hà, gây bất bình trong nhân dân.

13.2. Kiện toàn bộ máy làm công tác Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức, nhất là đạo đức, tinh thần tận tụy với công việc; đổi mới lề lối làm việc trong từng cơ quan, đơn vị, chấp hành kỷ cương, kỷ luật, chỉ đạo của cấp trên; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ và sắp xếp hợp lý; tăng cường năng lực làm việc và hiệu suất công tác thông qua ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

13.3. Đẩy mạnh ứng dụng tin học vào quản lý, trước hết là công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác thống kê báo cáo, công tác thanh tra; xây dựng hệ thống mạng của ngành, kết nối Bộ với các đơn vị thuộc Bộ và cơ quan Lao động - Thương binh Xã hội các cấp; kết nối mạng và trao đổi thông tin với các cơ quan, tổ chức liên quan; ứng dụng việc tuyển dụng công chức, viên chức, tuyển chọn xuất khẩu lao động, giới thiệu việc làm trên mạng Internet. Hình thành đường dây điện thoại nóng ở Bộ với các tỉnh, thành phố để tiếp nhận thông tin phản ánh của nhân dân về các hiện tượng vi phạm, tiêu cực trong các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

13.4. Tăng cường công tác thanh tra lao động - thương binh và xã hội, tập trung thanh tra, kiểm tra những lĩnh vực nhạy cảm dễ nảy sinh tiêu cực như: các dự án đầu tư, viện trợ, các đơn vị chỉ tiêu ngân sách, sử dụng tài sản công, đất công, xuất khẩu lao động, bảo hiểm xã hội, xác nhận và hưởng chính sách

người có công, vay vốn tạo việc làm, xoá đói giảm nghèo, chấp hành pháp luật lao động trong các doanh nghiệp; xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật.

III- TỒ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ chủ yếu trong Chương trình hành động này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, Thủ trưởng cơ quan thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực tiếp chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động của đơn vị, địa phương mình, báo cáo về Bộ; trên cơ sở đó, cụ thể hoá thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm. Đối với những nhiệm vụ không phải triển khai theo các đề án, chương trình, cần tổ chức triển khai ngay để bảo đảm thực hiện một cách kịp thời và hiệu quả những nội dung của Chương trình hành động.

2. Thủ trưởng cơ quan thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ hàng năm báo cáo Bộ tình hình thực hiện.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình hành động này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình, Thủ trưởng cơ quan thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố chủ động báo cáo Bộ xem xét, quyết định.

4. Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo và kiến nghị với Lãnh đạo Bộ về các biện pháp cần thiết bảo đảm Chương trình được thực hiện hiệu quả và đồng bộ./.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Thị Hải Chuyên

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

**Thực hiện Chương trình hành động của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội
thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020
và Phương hướng nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011-2015
(Kèm theo Quyết định số 745/QĐ-LĐTBXH ngày 18 tháng 6 năm 2012)**

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì/dầu mối	Thời gian hoàn thành/ thực hiện
1	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các Bộ luật hoặc Luật, Pháp lệnh; văn bản quy phạm pháp luật.	Vụ Pháp chế	Hàng năm
2	Bộ Luật lao động (sửa đổi).	Vụ Pháp chế	2012
3	Các văn bản hướng dẫn thi hành Bộ Luật lao động (sửa đổi).	Vụ Pháp chế, Vụ Lao động - Tiền lương, Vụ Bảo hiểm xã hội, Cục Việc làm	2012-2013
4	Luật Việc làm.	Cục Việc làm	2013
5	Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Việc làm.	Cục Việc làm	2013-2014
6	Luật An toàn, vệ sinh lao động.	Cục An toàn Lao động	2014
7	Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động.	Cục An toàn Lao động	2014-2015
8	Luật Tiền Lương tối thiểu.	Vụ Lao động - Tiền lương	2015
9	Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Tiền lương tối thiểu.	Vụ Lao động - Tiền lương	2015-2016
10	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Bảo vệ, chăm sóc trẻ em.	Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	2013
11	Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Bảo vệ, chăm sóc trẻ em.	Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	2013-2014
12	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.	Vụ Bảo hiểm xã hội	2013
13	Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.	Vụ Bảo hiểm xã hội	
14	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dạy nghề.	Tổng cục Dạy nghề	2013
15	Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dạy nghề.	Tổng cục Dạy nghề	2013 - 2014
16	Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi).	Cục Người có công	2012
17	Các văn bản hướng dẫn thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi).	Cục Người có công	2012-2013
18	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Người khuyết tật.	Cục Bảo trợ xã hội	2012
19	Nghị định quy định chế độ phụ cấp đặc thù theo nghề hoặc công việc cho công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các lĩnh vực của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.	Vụ Tổ chức Cán bộ	2012

www.ThuVienPhapLuat.vn

Tel: +84-9-3930 3279

Fax: +84-9-3930 3278

Email: info@thuvienphapluat.vn

www.thuvienphapluat.vn

Số 10/2012

TAYSOFT

20	Nghị định quy định điều kiện, thủ tục và chính sách trợ giúp gia đình, các nhân nhân nuôi dưỡng trẻ em bị bỏ rơi và trẻ em cần sự bảo vệ khẩn cấp.	Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	2012
21	Nghị định quy định về cơ sở hỗ trợ, chế độ hỗ trợ và trình tự thủ tục hỗ trợ đối với nạn nhân bị mua, bán.	Cục Phòng chống tệ nạn xã hội	2012
22	Nghị định quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động.	Vụ Pháp chế	2014 *
23	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 178/2004/NĐ-CP ngày 15/10/2004 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm.	Cục Phòng chống tệ nạn xã hội	2012
24	Nghị định thay thế Nghị định 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức hoạt động và giải thể cơ sở Bảo trợ xã hội.	Cục Bảo trợ xã hội	2013
25	Nghị định thay thế Nghị định 67/2007/NĐ-CP và Nghị định 13/2010/NĐ-CP về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.	Cục Bảo trợ xã hội	2012
26	Quyết định quy định mức trợ cấp xã hội và cơ chế chi trả trực tiếp cho học sinh-sinh viên.	Tổng cục Dạy nghề	2012 *
27	Chiến lược An sinh xã hội đến năm 2020.	Viện Khoa học Lao động - Xã hội	2012/đến năm 2020
28	Chiến lược phát triển dạy nghề đến năm 2020.	Tổng cục Dạy nghề	2012/đến năm 2020
29	Đề án đổi mới và phát triển dạy nghề đến năm 2020	Tổng cục Dạy nghề	2012/đến năm 2020
30	Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020	Tổng cục Dạy nghề	đến năm 2020
31	Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em 2011-2015	Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	2011-2015 và đến năm 2020
32	Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em đến năm 2020.	Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	2012/đến năm 2020
33	Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS giai đoạn 2012-2015.	Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	2012/2012-2015 và đến năm 2020
34	Chương trình phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em giai đoạn 2012-2015.	Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	2012/2012-2015 và đến năm 2020
35	Đề án chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng giai đoạn 2012-2016.	Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	2012/đến năm 2010
36	Đề án về chính sách hỗ trợ phẫu thuật cho trẻ em bị tim bẩm sinh.	Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	2012/đến năm 2020
37	Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới đến năm 2020.	Vụ Bình đẳng giới	đến năm 2020
38	Chương trình quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015.	Vụ Bình đẳng giới	2011-2015 và đến năm 2020
39	Đề án phát triển nghề công tác xã hội.	Cục Bảo trợ Xã hội	đến năm 2020
40	Đề án trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng.	Cục Bảo trợ Xã hội	đến năm 2020
41	Đề án chăm sóc và phát huy người cao tuổi đến năm 2020.	Cục Bảo trợ xã hội	2012/đến năm 2020

42	Đề án trợ giúp người khuyết tật đến năm 2020.	Cục Bảo trợ xã hội	2012/đến năm 2015
43	Đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy.	Cục Phòng chống tệ nạn xã hội	2013/đến năm 2020
44	Chương trình hành động phòng, chống mại dâm giai đoạn 2011-2015.	Cục Phòng chống tệ nạn xã hội	2011-2015 và đến năm 2020
45	Đề án nâng cao năng lực Thanh tra Lao động - Thương binh và Xã hội.	Thanh tra Bộ	2012/đến năm 2020
46	Chương trình mục tiêu quốc gia về Việc làm - Dạy nghề giai đoạn 2012-2015.	Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục Việc làm, Tổng cục Dạy nghề, Cục Quản lý lao động ngoài nước	2012/đến năm 2015 và đến năm 2020
47	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015.	Cục Bảo trợ xã hội	2012/2012-2015 và đến năm 2020
48	Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009-2020	Cục Quản lý lao động ngoài nước	đến năm 2020
49	Chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động giai đoạn 2011-2015	Cục An toàn lao động	2011-2015 và đến năm 2020
50	Đề án ban hành Quy chế dân chủ trong doanh nghiệp ngoài nhà nước.	Vụ Lao động - Tiền lương	2012/đến năm 2020
51	Đề án nâng cao chất lượng và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	Tổng cục Dạy nghề	2012/đến năm 2020
52	Đề án tìm kiếm, quy tập, xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin.	Cục Người có công	2012/đến năm 2020
53	Đề án tổng thể về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công đến với cách mạng năm 2020.	Vụ Lao động tiền lương, Vụ Bảo hiểm xã hội, Cục Người có công	2012/đến năm 2020
54	Tổng kết 10 năm thực hiện chỉ thị số 55-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) và dự thảo Chỉ thị về tăng cường công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em đến năm 2020.	Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	2012
55	Chỉ thị về công tác tác an toàn, vệ sinh lao động trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	Cục An toàn Lao động	2012
56	Chỉ thị về đào tạo đội ngũ lao động tay nghề cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước.	Tổng cục Dạy nghề	2012
57	Chỉ thị về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn.	Tổng cục Dạy nghề	2012